TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG** Bản án số: 06/2026/HS-ST Ngày: 23-01-2026	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điểu Nhót và ông Nguyễn Bá Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Thái Lê Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Văn Q, sinh năm 2001, tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn I, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ (nay là thôn I, xã T, tỉnh Lâm Đồng); nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Phan Thị N; chưa có vợ con; CCCD: 036201016490; Tiền án, tiền sự: Không; hiện đang tại ngoại - Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Bùi Văn T1, sinh năm 2001 – Có mặt.

Địa chỉ: Tổ D, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Tổ D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ).

2. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1956 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn I, xã T, tỉnh Lâm Đồng (Thôn I, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ).

- Người làm chứng:

1. Bà Phan Thị N, sinh năm 1983 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn I, xã T, tỉnh Lâm Đồng (Thôn I, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ).

2. Anh Nguyễn Đinh Thanh T2, sinh năm 2003 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Lâm Đồng (Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ).

3. Anh Phạm Đức T3, sinh năm 2002 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng (Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 20/01/2025, Trần Văn Q đang nhậu thì Bùi Văn T1 gọi điện hẹn gặp nói chuyện, Q nói "muộn rồi để mai đi", T1 nói "bây giờ chạy xuống nhà" nên Q đồng ý về gặp. Do đi cùng xe nên Q nói Nguyễn Đình Thanh T4 (sinh năm 2003, trú tại thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) cùng đi về nhà Quyền tại thôn I, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ (nay là thôn I, xã T, tỉnh Lâm Đồng). Khi đến cổng nhà, Q gặp Bùi Văn T1 và Phạm Đức T3 (sinh năm 2002, trú tại thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng), T1 nói chuyện với Quyền về tiền nợ và trả nhẫn thì xảy ra tranh cãi và xô đẩy nhau nên bà Phan Thị N (mẹ của Q) và bà Phạm Thị L (bà ngoại của Q) đang ở trong nhà chạy ra can ngăn, bà N ôm kéo Quyền vào trong nhà, bà L ôm đẩy T1 ra phía ngoài đường. Lúc này, Q vùng ra và đi lại vị trí thùng của xe máy kéo (xe càng) đang đỗ trong sân lấy 01 con dao *(loại dao phát dài 54 cm, phần cán dao được làm bằng tre dài 30 cm, đường kính 3 cm; phần lưỡi dao được làm bằng kim loại, đầu mũi dao cong, dài 24 cm, rộng 4 cm)* cầm bằng tay phải chạy ra đứng đối diện cách Tiện khoảng 02m chém liên tiếp nhiều nhát theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái trúng vào vùng cánh tay trái của T1, lúc này bà Phạm Thị L vẫn tiếp tục can ngăn nên Q đã chém trúng vào tay phải của bà L, thấy bà L chảy máu ở bàn tay phải thì Q dừng lại. Sau đó, Bùi Văn T1 được Phạm Đức T3 đưa đi cấp cứu tại Trung tâm Y tế huyện Đ cũ. Đến 02 giờ 45 phút ngày 21/01/2025, chuyển đến Bệnh viện Đ, tỉnh Đắk Lắk. Đến 03 giờ 25 phút cùng ngày, được chuyển đến cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Đ1, tỉnh Đắk Lắk đến ngày 23/01/2025 xuất viện; bà Phạm Thị L được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm Y tế huyện Đ cũ và Bệnh viện đa khoa tỉnh Đ cũ cấp cứu, điều trị đến ngày 24/01/2025.

Việc thu giữ đồ vật, tài liệu, gồm: 01 con dao (loại dao phát dài 54 cm, phần cán dao được làm bằng tre dài 30 cm, đường kính 3 cm; phần lưỡi dao được làm bằng kim loại, đầu mũi dao cong, dài 24 cm, rộng 4 cm)

* Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 109/KLTTCT-TTPY ngày 31/3/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ (nay là Trung tâm pháp y tỉnh L), kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Kết quả giám định:

+ Tổn thương nhánh thần kinh quay, tỷ lệ 11%.

+ Gãy thân xương trụ tay trái, can liền tốt, trục thẳng, chức năng cẳng tay không bị ảnh hưởng, tỷ lệ 06%.

+ Mẻ thân xương quay tay trái, tỷ lệ 01%.

+ Hạn chế vận động, ảnh hưởng ít đến động tác khớp cổ tay trái, tỷ lệ 05%.

+ 01 sẹo phần mềm mặt trước trong 1/3 trên cánh tay trái, kích thước trung bình, tỷ lệ 02%.

+ 01 sẹo phần mềm mặt trước trong 1/3 dưới cánh tay trái, kích thước trung bình, tỷ lệ 02%

+ 01 sẹo phần mềm mặt sau 1/3 trên cẳng tay trái, kích thước trung bình, tỷ lệ 02%.

+ 01 sẹo phần mềm mặt lòng đốt 3 ngón III, bàn tay trái, kích thước nhỏ, tỷ lệ 01%.

+ Vết xước da vùng ngực trái trong Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y không quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể.

- Kết quả khám chuyên khoa: Không.

- Kết quả cận lâm sàng:

+ X/quang xương cẳng tay trái: Dụng cụ kết hợp xương trụ cẳng tay trái.

+ Đo điện thần kinh cơ tay trái: Tổn thương dây thần kinh quay bên trái nhánh thần kinh gian cốt sau, mất sợi trục, giai đoạn mạn tính, vị trí vùng cẳng tay.

- Kết quả hội chẩn: Không.

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Bùi Văn T1 tại thời điểm giám định là: 27% (Hai mươi bảy phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Kết luận khác: Các tổn thương trên cơ thể của Bùi Văn T1 do vật sắc tác động trực tiếp gây nên.

* Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 100/KLTTCT-TTPY ngày 25/3/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ (nay là Trung tâm pháp y tỉnh L), kết luận: *(Bút lục số 78 – 79)*

1. Các kết quả chính:

- Kết quả khám giám định:

+ Vết thương đứt lìa cụt mất ngón III, IV, V bàn tay phải kèm khuyết mất xương bàn III, IV, V tay phải, hiện tại đã phẫu thuật tạo hình mỏm cụt bàn tay phải, tỷ lệ 28%.

+ Gãy hở đốt 2, 3 ngón II bàn tay phải, đã kết hợp xương, tỷ lệ 02%.

+ 01 sẹo vết thương phần mềm mặt mu đốt 2 và đốt 3 ngón II bàn tay phải, kích thước nhỏ, tỷ lệ 01%.

- Kết quả khác: Không.

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp Y, giám định Pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Thị L tại thời điểm giám định là: 30% (Ba mươi phần trăm), áp dụng theo phương pháp cộng tại Thông tư.

- Kết luận khác: Tổn thương bàn, ngón tay phải của Phạm Thị L do bị vật sắc tác động trực tiếp gây nên.

* Tại bản Kết luận giám định số 213/KL-KTHS ngày 27/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ (nay là Phòng K Công an tỉnh L), kết luận: *(Bút lục số 86)*

- Con dao gửi giám định là loại dao sắc, nhọn thuộc danh mục "Dao có tính sát thương cao" quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 6, Thông tư 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 Quy định chi tiết một số điều của Luật số 42.

- Con dao gửi giám định là Vũ khí quân dụng khi được sử dụng với mục đích xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người trái pháp luật, được quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 2, Luật số 42/2024/QH15, ngày 29/06/2024 về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Tại bản Cáo trạng số 06/CTr-VKS-KV8 ngày 22 tháng 10 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng đã truy tố Trần Văn Q về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội "Cố ý gây thương tích" và tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, khoản 1 Điều 304, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 và Điều 55 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Trần Văn Q 04 năm đến 05 năm tù về tội "cố ý gây thương tích" và 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Tổng hợp hình phạt đề nghị bị cáo chấp hành chung từ 05 năm đến 06 năm 03 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu huỷ 01 con dao (loại dao phát dài 54 cm, phần cán dao được làm bằng tre dài 30 cm, đường kính 3 cm; phần lưỡi dao được làm bằng kim loại, đầu mũi dao cong, dài 24 cm, rộng 4 cm) là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Về phần dân sự: Bị hại anh Bùi Văn T1, bà Phạm Thị L không yêu cầu bồi thường nên không giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác được lưu trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có cở sở xác định:

Khoảng 21 giờ ngày 20/01/2025 tại thôn I, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ (nay là thôn I, xã T, tỉnh Lâm Đồng), chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà Trần Văn Q cầm 01 con dao phát dài 54 cm chém nhiều nhát trúng anh Bùi Văn T1 gây thương tích 27% và lúc bà bà Phạm Thị L (là bà ngoại của Q) can ngăn nên Q đã chém một nhát trúng vào tay phải của bà L gây thương tích 30%. Loại Dao mà Q sử dụng gây thương tích là Vũ khí quân dụng quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 2, Luật số 42/2024/QH15, ngày 29/06/2024 về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Vì vậy, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trần Văn Q phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Điều 134 Bộ luật Hình sự quy định

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

i) Có tính chất côn đồ;

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

...”

Điều 304 Bộ luật Hình sự quy định

“1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm.

...”

[4]. Hành vi của bị cáo Trần Văn Q là nguy hiểm cho xã hội. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ, và khi đã sử dụng rượu bia nên bị cáo đã dùng dao phát – là vũ khí quân dụng – tấn công vào anh Bùi Văn T1 và bà Phạm Thị L, gây thương tích cho cả hai. Bị cáo hành động một cách hung hãn, coi thường tính mạng, sức khỏe người khác, bất chấp hậu quả xảy ra. Đây là biểu hiện rõ ràng của tính chất côn đồ, thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật và trật tự xã hội. Hành vi của Q không chỉ xâm hại nghiêm trọng đến sức khỏe của các bị hại mà còn gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần xử lý nghiêm minh để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên” nhưng hành vi mà bị cáo thực hiện đối với bà L (là bà ngoại của bị cáo) là hành vi thuộc lỗi cố ý gián tiếp, mặc dù biết hành vi có thể gây nguy hiểm cho bà L nhưng vẫn thực hiện bỏ mặc cho hậu quả xảy ra dù không mong muốn. Do vậy, HĐXX cần xem xét khi lượng hình phạt đối với bị cáo.

Do bị cáo phạm 02 tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt theo quy định.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1]. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường cho bị hại anh Bùi Văn T1 số tiền 50.000.000 đồng và trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại cũng có đơn và đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ngoài ra, bị cáo có ông nội là liệt sỹ được Tổ quốc ghi công, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng ba, Huân chương Chiến công giải phóng Hạng ba. Do đó, cần xem xét cho hưởng tình các tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]. Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Cần tịch thu tiêu huỷ 01 con dao (loại dao phát dài 54 cm, phần cán dao được làm bằng tre dài 30 cm, đường kính 3 cm; phần lưỡi dao được làm bằng kim loại, đầu mũi dao cong, dài 24 cm, rộng 4 cm) là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Khoản 1 Điều 46, Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 587, 590 của Bộ luật dân sự,

Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh Bùi Văn T1 số tiền 50.000.000đ, cần ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo; anh T1 và bà L không yêu cầu bồi thường thêm nên không đề cập giải quyết.

[9] Xét các chứng cứ buộc tội và quan điểm xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng đối với bị cáo là có căn cứ nên cần chấp nhận.[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Q phạm tội "*Cố ý gây thương tích*" và tội "*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*".

1.1. Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Q 04 (B) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích".

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 304, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Văn Q 01 (Một) năm tù về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Trần Văn Q phải chấp hành hình phạt chung là 05 (Năm) năm tù, thời hạn tính từ ngày thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tịch thu tiêu huỷ 01 con dao (loại dao phát dài 54 cm, phần cán dao được làm bằng tre dài 30 cm, đường kính 3 cm; phần lưỡi dao được làm bằng kim loại, đầu mũi dao cong, dài 24 cm, rộng 4 cm).

(Có đặc điểm như tại biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L *và Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng (*Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 8 -*Lâm Đồng) ngày 24/10/2025).*

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Khoản 1 Điều 46, Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 587, 590 của Bộ luật dân sự: Ghi nhận việc bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại anh Bùi Văn T1 50.000.000đồng.

4. Về án phí**:** Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Văn Q phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 8 – Lâm Đồng;
- P. THADS khu vực 8 – Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký, đóng dấu)

Trừ Minh Quốc